CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG

Ngày 31/12/2025	52,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.9%	**-2.6%**	**-**

DT thuần
Q4/25
2,299
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 65.0| 2.9%
YoY: ▲ 235| 11.4%

LN thuần
Q4/25
467
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.0| 3.5%

LN sau thuế
Q4/25
400
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.0| 4.7%
YoY: ▲ 24.0| 6.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
23.7%
YoY: +/-▲ 2.6%

ROE
2025
25.3%
YoY: +/-▼ 1.0%

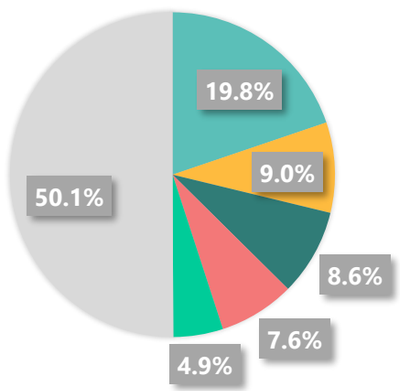
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	47,484 - 78,039
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,735
Số lượng CPLH (CP)	242,112,943
KLGD BQ 20 phiên (CP)	304,030
Sở hữu nước ngoài	2.9%
Beta	0.63
EPS	5,601
P/E	9.4

DT thuần
2025
8,604
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 803| 10.3%

LN thuần
2025
1,846
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 290| 18.7%

LN sau thuế
2025
1,502
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 223| 17.4%

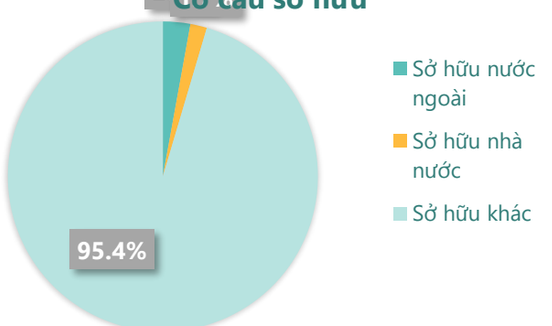
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị An Lộc
- CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên
- Trần Mạnh Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Lư Thanh Nhã (Tổng giám đốc)
- Trần Ngọc Xuân Trang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

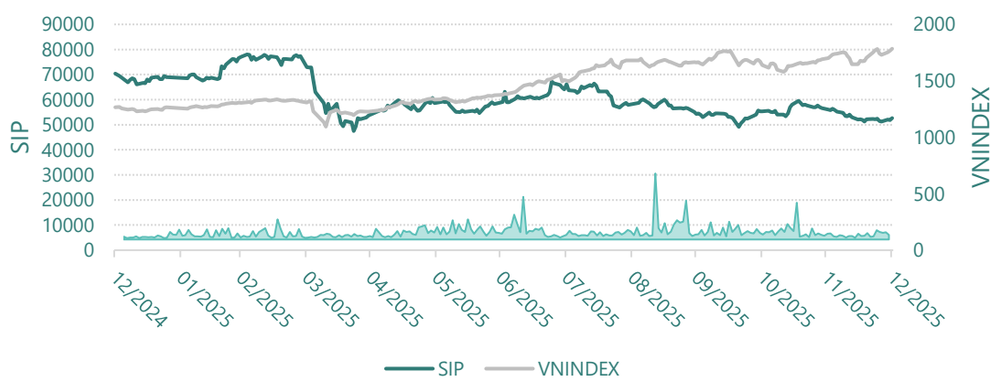
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

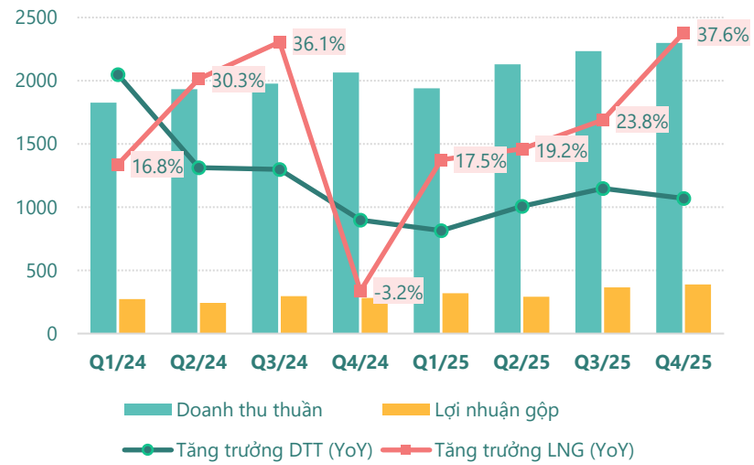
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



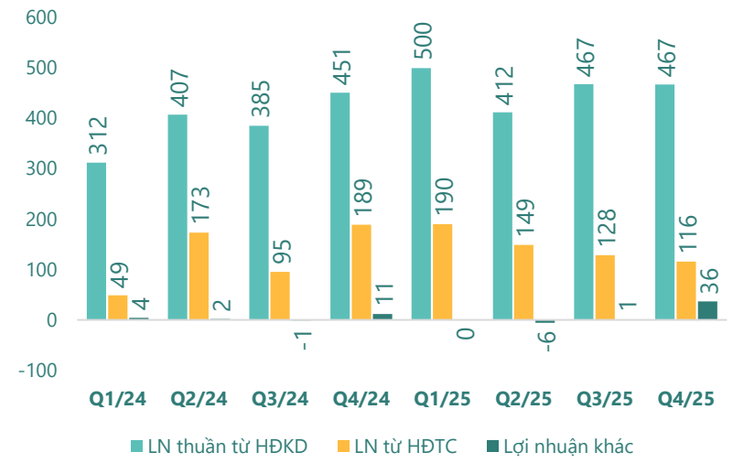
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



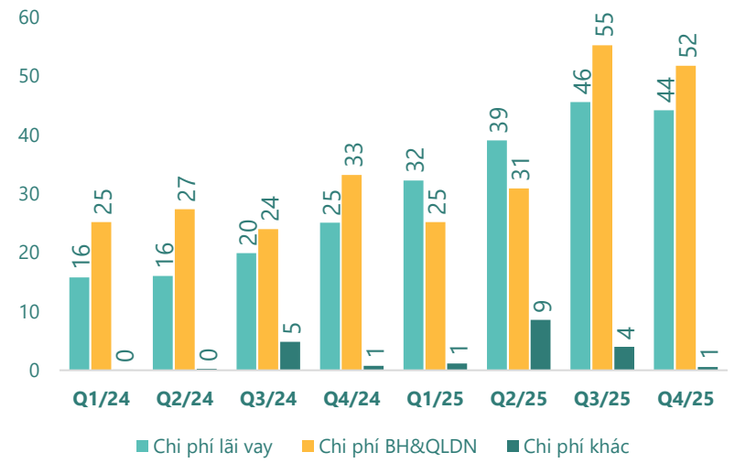
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



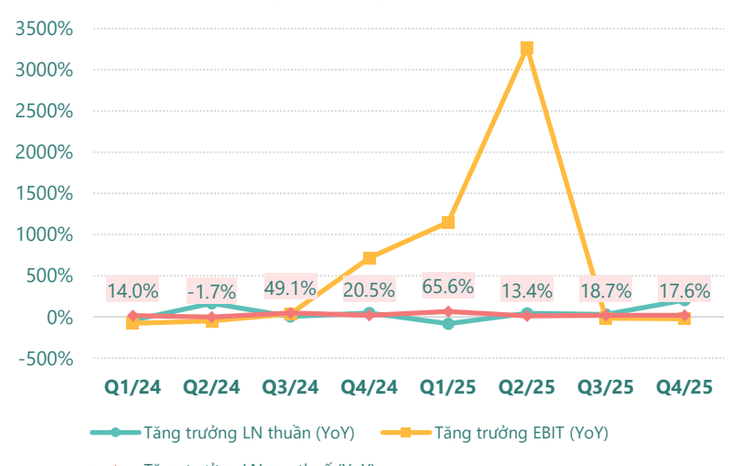
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



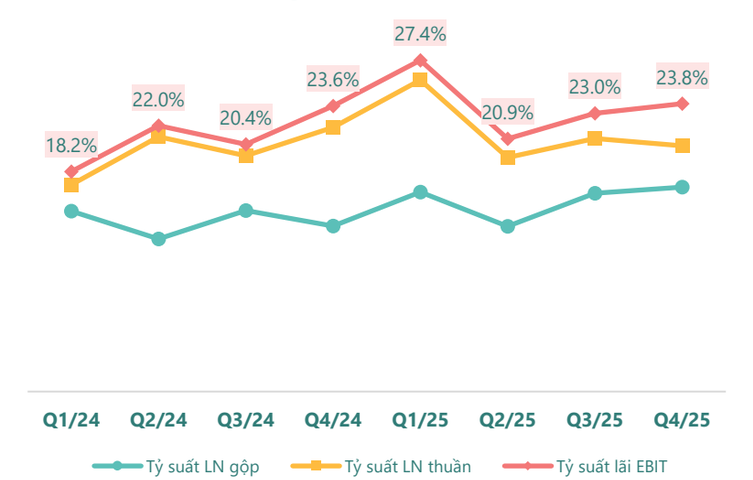
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



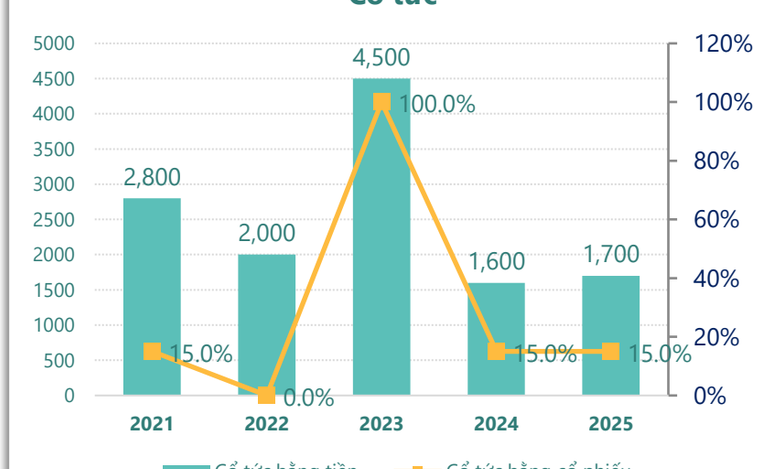
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

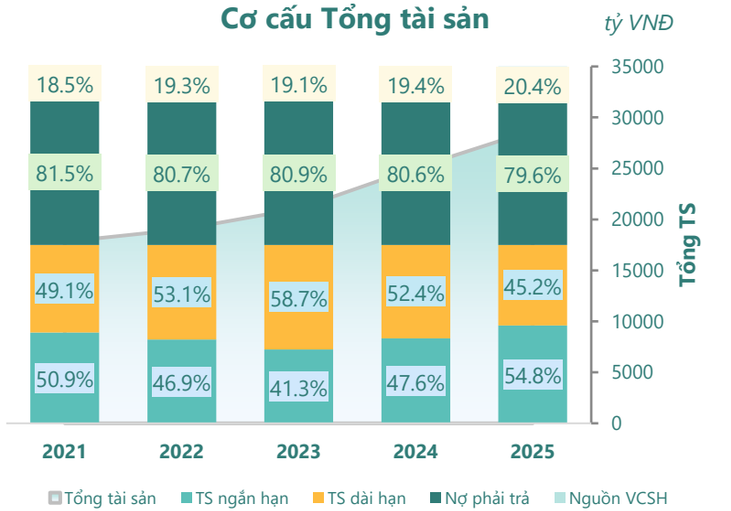
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

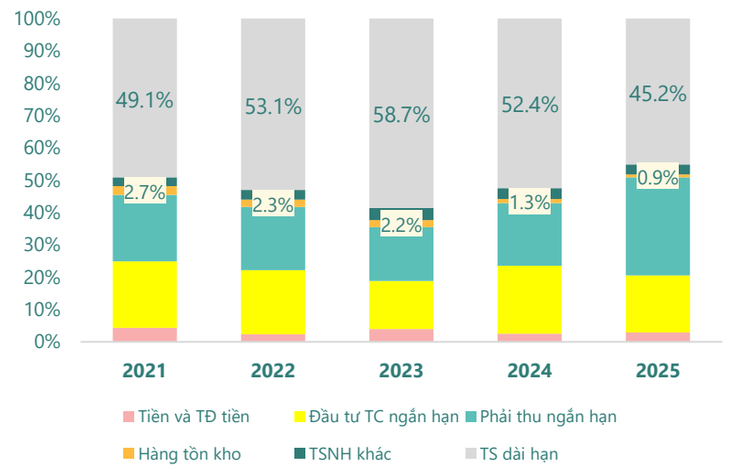
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



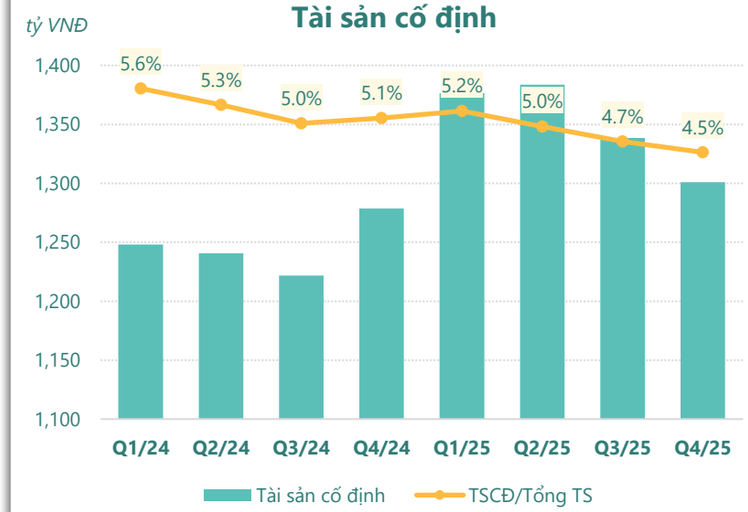
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



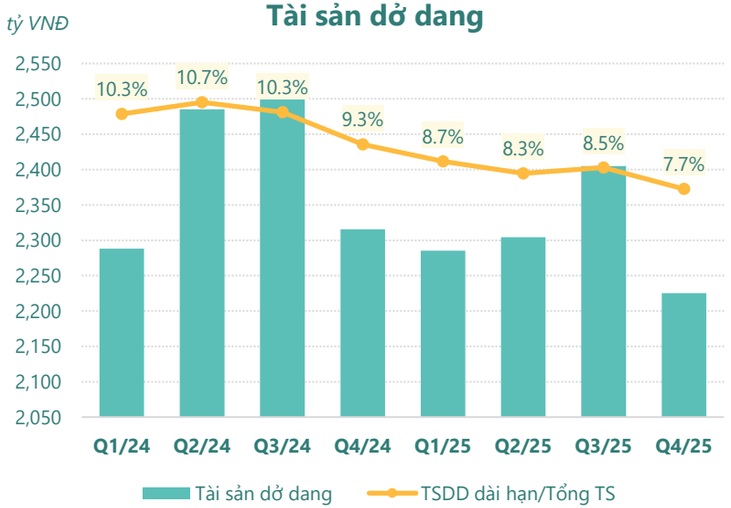
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



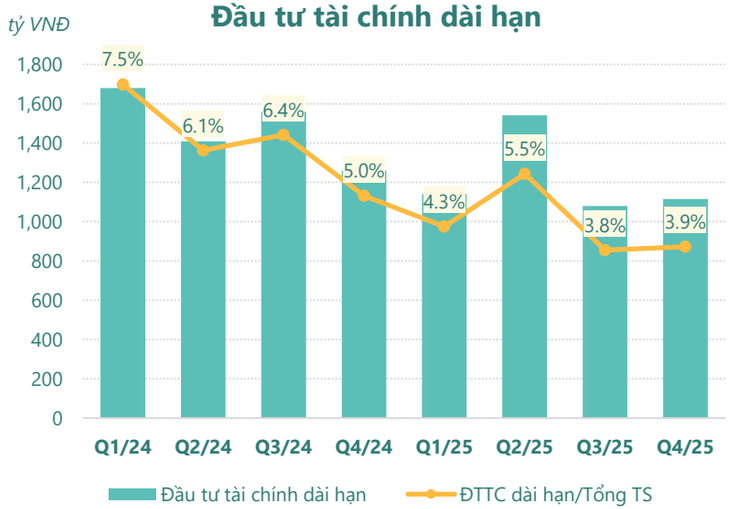
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



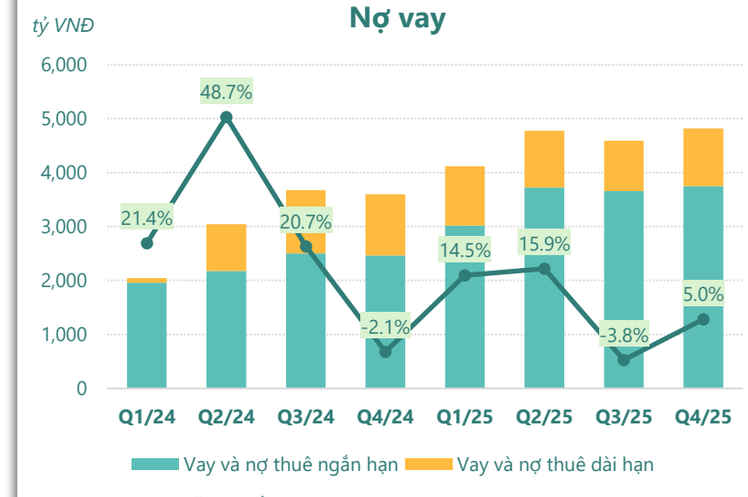
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

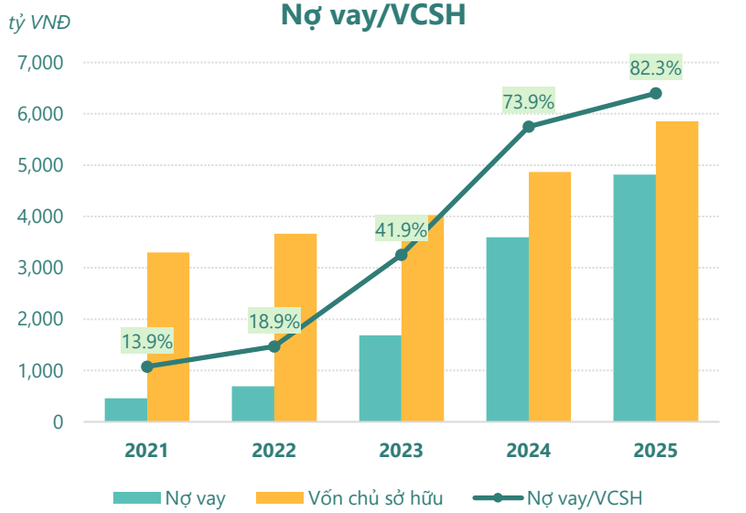
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

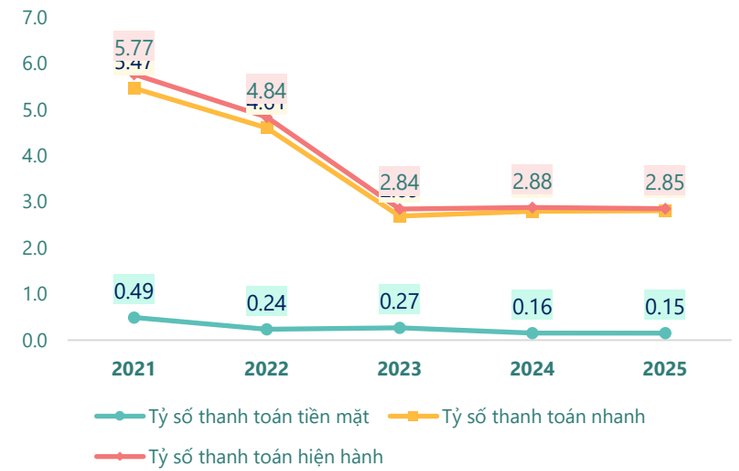
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



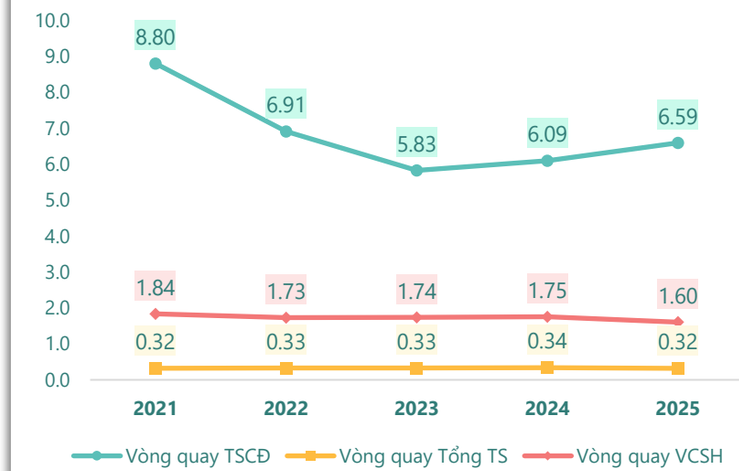
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



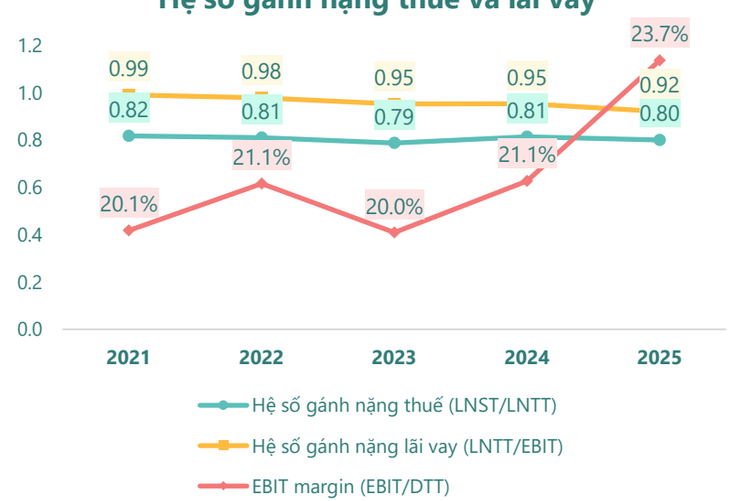
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



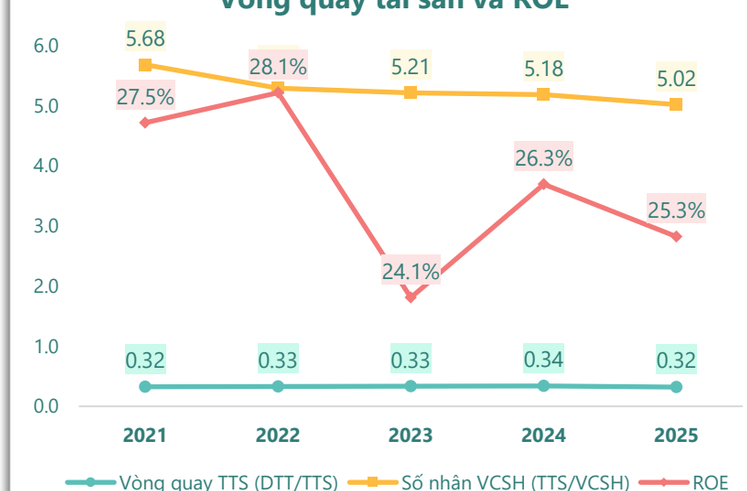
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



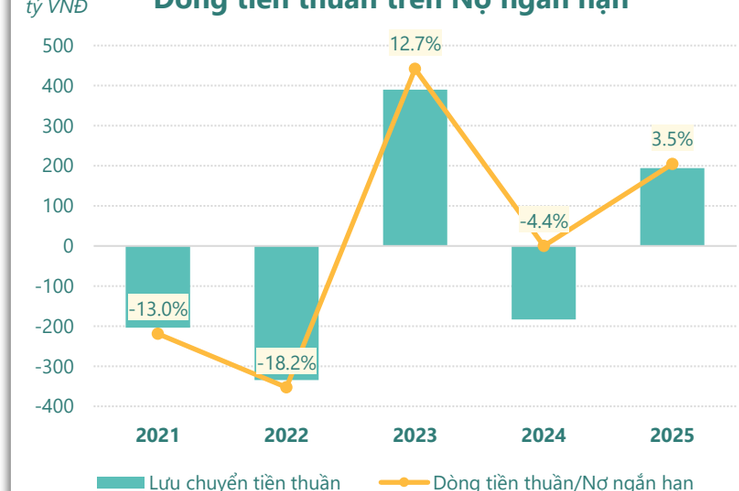
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,299**	**2,064**	**11.4%**	**8,604**	**7,801**	**10.3%**
Giá vốn hàng bán	1,911	1,782	7.2%	7,238	6,706	7.9%
Lợi nhuận gộp	389	282	37.8%	1,366	1,095	24.7%
Doanh thu HĐTC	183	230	-20.3%	803	622	29.0%
Chi phí TC	67.7	41.5	63.2%	220	116	88.9%
Chi phí lãi vay	44.2	25.1	76.2%	161	76.8	110%
LN trong công ty LKLD	**14.5**	**12.9**	**12.0%**	**60.7**	**65.3**	**-7.1%**
Chi phí bán hàng	28.4	8.82	222%	75.7	21.6	250%
Chi phí QLDN	**23.3**	**24.4**	**-4.3%**	**87.5**	**88.5**	**-1.1%**
LN thuần từ HĐKD	467	451	3.5%	1,846	1,556	18.7%
Lợi nhuận khác	**36.4**	**11.4**	**219%**	**30.7**	**16.0**	**92.3%**
LN trước thuế	503	462	8.9%	1,877	1,572	19.4%
Lợi nhuận sau thuế	**400**	**376**	**6.4%**	**1,502**	**1,279**	**17.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**354**	**317**	**11.7%**	**1,356**	**1,170**	**15.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	140	923	620	767	465	575
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,232	-338	-1,289	-1,337	-63.6	-352
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	593	-286	520	487	-184	-13.9
Tiền đầu kỳ	844	345	646	496	413	631
Lưu chuyển tiền thuần	**-499**	**298**	**-149**	**-83.5**	**218**	**209**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	345	644	496	413	631	840

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**28,746**	**25,053**	**14.7%**
Tài sản ngắn hạn	15,762	11,917	32.3%
Tiền và tương đương tiền	840	646	30.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5,071	5,244	-3.3%
Phải thu ngắn hạn	8,711	4,853	79.5%
Hàng tồn kho	267	322	-17.2%
Tài sản ngắn hạn khác	873	852	2.5%
Tài sản dài hạn	**12,984**	**13,136**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	1,318	1,307	0.8%
Tài sản cố định	1,301	1,308	-0.6%
Bất động sản đầu tư	6,185	5,878	5.2%
Tài sản dở dang	2,225	2,380	-6.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,115	1,190	-6.3%
Tài sản dài hạn khác	**840**	**1,072**	**-21.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22,891	20,185	13.4%
Nợ ngắn hạn	**5,523**	**4,144**	**33.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,747	2,466	52.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	145	241	-39.8%
Nợ dài hạn	17,368	16,042	8.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,071	1,132	-5.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,855**	**4,868**	**20.3%**
Vốn chủ sở hữu	**5,855**	**4,868**	**20.3%**
Vốn điều lệ	2,421	2,105	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)